

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 6 – 2024

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khải.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2024/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Ông Lâm Bảo S, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 19/4/2024 nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lâm Bảo S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và không

hoà hợp trong lối sống, vợ chồng không còn tình cảm nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Bảo S.

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Lâm Bảo N (giới tính nữ), sinh ngày 18/01/2010 và Lâm Bảo T1 (giới tính nam), sinh ngày 27/7/2011. Hiện hai con hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/người.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/5/2024: Bà Phạm Thị T yêu cầu giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 19/4/2024 ông Lâm Bảo S trình bày: Về thời điểm kết hôn như bà T trình bày là đúng. Nay xét thấy hôn nhân không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung có 02 người con tên Lâm Bảo N (giới tính nữ), sinh ngày 18/01/2010 và Lâm Bảo T1 (giới tính nam), sinh ngày 27/7/2011. Hiện hai con hiện đang sống với bà T. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao hai con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/người. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện chính quyền địa phương UBND thị trấn C nơi hai bên đương sự sinh sống xác định: Bà Phạm Thị T và ông Lâm Bảo S không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Tại phiên tòa:

- Bà T và ông S vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.
- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị T đối với ông Lâm Bảo S. Về nuôi con chung giao hai người con tên Lâm Bảo N (giới tính nữ), sinh ngày 18/01/2010 và Lâm Bảo T1 (giới tính nam), sinh ngày 27/7/2011 cho bà Phạm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc ông Lâm Bảo S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/người. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Lâm Bảo S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Lâm Bảo S cư trú tại Khóm H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lâm Bảo S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Lâm Bảo S tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 19/2010 ngày 03/02/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và không hoà hợp trong lối sống. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn. Đối với, ông S xác định hôn nhân không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của bà T và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, bà T được ly hôn với ông S.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Lâm Bảo N (giới tính nữ), sinh ngày 18/01/2010 và Lâm Bảo T1 (giới tính nam), sinh ngày 27/7/2011. Sau khi ly hôn bà T và ông S thống nhất giao hai con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông S đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/người.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai ngày 19/4/2024 của hai con chung Lâm Bảo N và Lâm Bảo T1 đều có nguyện vọng sống với bà T nên Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của các con chung căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để bà T tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp. Bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con, ông S đồng ý theo yêu cầu của bà T do đó buộc ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/người. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Trường hợp ông S chậm thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông S không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị T đối với ông Lâm Bảo S. Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Lâm Bảo S.

Về nuôi con chung: Giao hai người con tên Lâm Bảo N (giới tính nữ), sinh ngày 18/01/2010 và Lâm Bảo T1 (giới tính nam), sinh ngày 27/7/2011 cho bà Phạm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc ông Lâm Bảo S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là 1.000.000 đồng/tháng/người. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Lâm Bảo S không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Phạm Thị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị T và ông Lâm Bảo S không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng. Bà Phạm Thị T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003435 ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Lâm Bảo S phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn Cái Đôi Vàm;
(Giấy CNKH số 19 ngày 03/02/2010)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như